TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2017/HNGĐ – ST
Ngày:18-7-2017
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn
2. Bà Lê Thị Thúy Hằng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngần– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2017/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2017, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/QĐXX ngày 12 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Q, sinh năm 1982, địa chỉ cư trú 110/28 Phạm Hồng Thái, phường B, thành phố V, tỉnh B (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú 44/27 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường T, thành phố V, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14 tháng 12 năm 2016 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện:

Chị Trần Thị Q và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 2001. Đến năm 2003 chị Q, anh H làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà trọ số 160/9A Hoàng Hoa Thám, Phường H, thành phố V. Cuộc sống chung của vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: do vợ chồng không hòa hợp về tính cách,

lối sống, công việc. Hai người đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Chị Q xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung giữa chị với anh H không cải thiện nên chị Q yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: chị Q và anh H có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim H sinh ngày14-10-2002. Cháu H đang ở với bố nên chị Q nhường quyền nuôi con cho anh H, chị Q không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến Toà để giải quyết ly hôn nhưng anh H vắng mặt không có lý do nên không xác định rõ yêu cầu.

Tại phiên toà Kiểm sát viên có ý kiến : quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ và hòa giải Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật . Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tuân theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đưa ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: chị Trần Thị Q yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn H nên quan hệ tranh chấp là "Ly hôn". Anh H đang cư trú tại địa chỉ 44/27 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường T, thành phố V, tỉnh B. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B.

Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

- Về nội dung: Chị Trần Thị Q và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, năm 2003 đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị Q và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Q, cuộc sống chung của vợ chồng ban đầu hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không

hòa hợp về tính cách, lối sống, công việc. Hai người đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị Q xác nhận không còn tình cảm đối với anh H nên yêu cầu được ly hôn.

Qua thu thập chứng cứ thể hiện: anh H với chị Q có chung sống với nhau tại địa chỉ 160/9A Hoàng Hoa Thám, phường H, TP.V từ năm 2008 trở về trước. Anh H chuyển về sống tại địa chỉ số 44/27 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường T, thành phố V với con gái, không chung sống với vợ, chăm sóc con gái tốt.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

Xét thấy, giữa chị Q và anh H đã ly thân 09 năm, hai người không còn quan tăm chăm sóc cho nhau. Việc anh H không đến Tòa để giải quyết ly hôn cho thấy anh H có thái độ thờ ơ, bỏ mặc, không quan tâm, không có thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình nên không thỏa mãn điều khoản về tình nghĩa vợ chồng. Hôn nhân của chị Q và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung giữa họ không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên có đủ căn cứ để cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: anh H và chị Q có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày14-10-2002. Cháu H đang ở với bố, chị Q nhường quyền nuôi con cho anh H; nguyện vọng của cháu H cũng mong muốn được ở với bố nên ghi nhận sự tự nguyện của chị Q giao con cho anh H tiếp tục nuôi. Chị Q không cấp dưỡng nuôi con nhưng vẫn được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

-Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Q phải nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Q đối với anh Nguyễn Văn H về việc 'Ly hôn"

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn H

- Về con chung: giao con chung là Nguyễn Thị Kim H sinh ngày14-10-2002 cho anh H tiếp tục nuôi. Chị Q không cấp dưỡng nuôi con. Chị Q có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Q phải nộp 300.000(ba trăm nghìn)đồng nhưng được khấu trừ 300.000(ba trăm nghìn)đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002574 ngày 06-01-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V. Chị Q đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
-VKS TP V
-Tòa án tỉnh B
-Chi cụcTHA TP V
-Gửi đương sự
-Lưu hồ sơ

Nguyễn Văn Hiến